

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2023

Phần 1

TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên – xã hội

Bình Định là tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai và phía Đông giáp biển Đông. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 6.066 km², dân số gần 1,5 triệu người, chiếm 6,33% diện tích và 7,31% về dân số vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ. Mật độ dân số khoảng 245,3 người/km². Trên địa bàn tỉnh có 34 dân tộc anh em, trong đó ngoài dân tộc Kinh còn có 3 dân tộc thiểu số chính là Bana, H'rê và Chăm và 08 tôn giáo. Toàn tỉnh hiện có 159 xã, phường, thị trấn thuộc 08 huyện, 02 thị xã (An Nhơn, Hoài Nhơn) và thành phố Quy Nhơn.

Bình Định được đánh giá có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là một trong những cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên; vùng Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan.

Bình Định nối liền với các tỉnh phía Bắc, phía Nam qua Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam. Sân bay Phù Cát hiện có các chuyến bay tới Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố như: Hải Phòng, Nghệ An... Đặc biệt, tỉnh có bờ biển dài 134 km, vùng lãnh hải 2.500 km² với vùng đặc quyền kinh tế 40.000 km², có Cảng biển quốc tế Quy Nhơn, Khu kinh tế Nhơn Hội với hậu phương cảng rộng lớn và hấp dẫn mạnh đối với các tỉnh Tây Nguyên, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia - là khu vực có nhiều tiềm năng to lớn về nông, lâm sản, cây công nghiệp, khoáng sản... Bình Định cũng liên kết với các tỉnh thuộc lưu vực sông Ba mở rộng, đã và đang có những liên kết trong hợp tác, đầu tư phát triển.

Bình Định có vị trí địa lý thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, quan trọng trong bảo vệ an ninh và quốc phòng. Thời gian qua, lợi thế này đã được tỉnh khai thác tương đối tốt và sẽ còn được phát huy trong tương lai; tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Bình Định khai thác các tiềm năng, thế mạnh về lao động, đất đai, các nguồn tài nguyên cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trở thành một trong những tỉnh phát triển của Vùng.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 - 2022 và 02 tháng đầu năm 2023

Trong năm 2022, tất cả 19/19 chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch; trong đó, tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng 8,57%¹ cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản². Đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở, định hướng cho phát triển của tỉnh. Kết quả nổi bật trên các ngành, lĩnh vực cụ thể như sau:

- Hoạt động sản xuất nông, lâm, thủy sản: Giá trị tăng thêm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,26% so với cùng kỳ.

- Về sản xuất công nghiệp: Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp tăng 9,29%. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,05% so với cùng kỳ; trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng **6,94%**, sản xuất và phân phối điện tăng **20,52%**.

- Về xây dựng: Giá trị tăng thêm ngành xây dựng tăng 7,09% so với cùng kỳ.

- Về hoạt động thương mại, dịch vụ: Từng bước phục hồi, phát triển sôi động trở lại.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2022 ước đạt 1,55 tỷ USD, vượt 14,8% kế hoạch đề ra và tăng 9,3% so với cùng kỳ (cao nhất từ trước đến nay). Hàng hóa thông qua cảng biển ước đạt trên 13,7 triệu tấn, giảm 1,1% so với cùng kỳ.

- Hoạt động du lịch phục hồi và tăng trưởng mạnh, lượng khách du lịch đến tỉnh ước đạt 4,12 triệu lượt khách, tăng 1,8 lần so với cùng kỳ; tổng doanh thu du lịch tăng 6,5 lần so với cùng kỳ.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt hơn 16,5 nghìn tỷ đồng, vượt 35,6% dự toán năm và tăng 13,7% so với cùng kỳ; trong đó, thu nội địa là 15,48 nghìn tỷ đồng, vượt 39% dự toán năm, tăng 22%; thu tiền sử dụng đất là 7 nghìn tỷ đồng, vượt 75% dự toán năm, tăng 18,1%. Chi cân đối ngân sách địa phương là 19,2 nghìn tỷ đồng, vượt 12,1% dự toán năm và tăng 6,2% so với cùng kỳ. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh ước đạt 8.505/9.349 tỷ đồng, đạt 90,97% kế hoạch.

- Về thu hút đầu tư: Năm 2022, toàn tỉnh thu hút mới được 01 dự án FDI với vốn đăng ký 4 triệu USD, 80 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đầu tư đạt 19.394 tỷ đồng; có trên 1.200 doanh nghiệp thành lập mới, vốn đăng ký trên 10.000 tỷ đồng, tăng 27,4% về số doanh nghiệp và giảm 17,7% về vốn đăng ký so với cùng kỳ. Đến nay, toàn tỉnh có khoảng 8.200 doanh nghiệp đang hoạt động,

¹ Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) năm 2022 tăng cao hơn 4,14 điểm % so với tăng trưởng GRDP năm 2021 (4,43%); xếp thứ 37/63 địa phương trong cả nước; xếp thứ 6/14 địa phương duyên hải miền Trung và thứ 3/5 địa phương khu vực trọng điểm miền Trung (sau TP. Đà Nẵng (tăng 14,04%), tỉnh Quảng Nam (tăng 11,22%)).

² Cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 28,4% (cùng kỳ 29,38%), công nghiệp - xây dựng chiếm 29,08% (cùng kỳ 29,09%), dịch vụ chiếm 38,14% (cùng kỳ 37,02%), thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,58% (cùng kỳ 4,51%).

với vốn đăng ký bình quân 15 tỷ đồng/doanh nghiệp.

3. Một số hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những tiềm năng, điều kiện thuận lợi thì Bình Định vẫn còn những khó khăn, thách thức đó là:

- Điểm xuất phát thấp, quy mô nền kinh tế nhỏ, thường xuyên bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; hầu hết doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo đột phá phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, các khu, cụm công nghiệp.

- Vị trí địa lý nằm cách xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, riêng việc mời gọi thu hút đầu tư, mở rộng thị trường và huy động các nguồn lực từ bên ngoài cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn gặp khó khăn.

- Nguồn thu ngân sách còn thấp, chưa đảm bảo tự cân đối ngân sách trên địa bàn.

- Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành kinh tế trọng điểm, phân bố nhân lực giữa các ngành, vùng, địa phương chưa hợp lý. Đầu tư và ứng dụng khoa học và công nghệ vào đời sống, sản xuất còn hạn chế.

Phần 2

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2023

1. Đánh giá chung về hoạt động KH&CN giai đoạn 2021 - 2023

Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy Bình Định về thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII về “Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025”, hoạt động KH&CN đạt được một số thành quả, cụ thể:

1.1. Triển khai đồng bộ các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ

Các nhiệm vụ nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã bám sát định hướng của tỉnh. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, con người.

Các nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên bước đầu đạt được những kết quả quan trọng trong công tác dự báo, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thời tiết bất lợi gây ra. Xây dựng, lắp đặt hệ thống tiếp nhận dữ liệu

quan trắc môi trường tự động và liên tục; xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn thải; xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về khoáng sản tỉnh Bình Định; điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu, có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn, Đàm Thị Nại, Đàm Trà Ô và Đàm Đề Gi,...bước đầu đem lại kết quả tốt, có thể ứng dụng lâu dài trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Đưa vào vận hành Hệ thống thông tin cảnh báo gồm hệ thống quan trắc lượng mưa, quan trắc dòng chảy và hệ thống cảnh báo thông tin đến cộng đồng khi xả lũ, phục vụ việc dự báo, cảnh báo sớm mưa lớn, lũ quét, ngập lụt và hạn hán.

Tập trung nghiên cứu khoa học nông nghiệp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dự báo sâu bệnh hại lúa trên địa bàn tỉnh và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nông nghiệp, đẩy mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu, phát triển sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, thích ứng biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Việc triển khai đầu tư khoa học kỹ thuật và công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp được triển khai mạnh mẽ. Điển hình như nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng và chuẩn hóa CSDL thông tin quy hoạch và hệ thống tra cứu trực tuyến”.Triển khai nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và công nghệ vào các lĩnh vực như nông nghiệp, cảng biển, chế biến nông sản.

Triển khai các nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong lĩnh vực y dược để chẩn đoán và điều trị bệnh. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khám chữa bệnh và y học dự phòng như ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc hỗ trợ chẩn đoán và tư vấn dự phòng, điều trị bệnh nám má. Từng bước hỗ trợ nâng cao hiệu quả, chất lượng của các sản phẩm có nguồn gốc thảo dược. Nghiên cứu phát triển dạng bào chế hiện đại và đánh giá tác dụng của bài thuốc điều trị chấn thương toàn thân trong võ cổ truyền Bình Định. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển các bài thuốc nam và hoàn thiện danh mục cây thuốc nam trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh. Đề án thành lập Khu Công viên phần mềm Quang Trung - Bình Định đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3926/QĐ-UBND ngày 23/9/2021. Hiện nay, số doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh là 96 đơn vị (trong đó có 12 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm), tổng doanh thu ước đạt 400 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin chiếm trên 80%. Tổng số trạm thu phát sóng thông tin di động (trạm BTS) trên địa bàn tỉnh là 1.868 trạm; tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đã đạt 100% tại trung tâm các xã, thị trấn trên toàn tỉnh. Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 73% hộ gia đình, 100% xã. Tổng số thuê bao điện thoại di động là 1.657.853 thuê bao. Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng SMP là 1.345.367/1.657.853 thuê bao, đạt 81.15%. Hiện tại, còn 04 thôn/làng thuộc khu vực vùng sâu, vùng xa lờm sóng băng rộng di động, gồm: Làng Kong

Trú, Làng O2 (xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạnh); Làng Canh Tiến (xã Canh Liên, huyện Vân Canh); thôn Canh Giao (xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh); trong đó, Làng O2, thôn Canh Giao, Làng Canh Tiến chưa có điện lưới.

Triển khai nghiên cứu ở một số lĩnh vực gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh. Các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố đang tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Tỉnh ủy Bình Định về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Định.

Phát triển Khu Đô thị Khoa học Quy Hòa và Trung tâm Trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ. Tỉnh đang hoàn thiện trình Trung ương triển khai thí điểm đề án “Phát triển Khu Đô thị Khoa học Quy Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035” với định hướng phát triển Quy Nhơn thành một thành phố Khoa học hàng đầu của Việt Nam, trong tương lai là nơi tổ chức các hoạt động giao lưu, gặp gỡ của các nhà khoa học quốc tế; phát huy chất xám trong nghiên cứu khoa học, gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và hoạt động phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; thu hút các nguồn lực trong nước và nước ngoài, tạo động lực thúc đẩy phát triển khoa học. Hiện nay, đã thu hút được một số doanh nghiệp lớn đầu tư vào Khu đô thị Khoa học Quy Hòa và Trung tâm Trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ như: Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ, Dự án Công viên sáng tạo TMA của Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Tường Minh Bình Định, Dự án Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software.

1.2. Ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ ưu tiên của tỉnh

Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn; Ứng dụng công nghệ cao để đầu tư, nâng cấp xây dựng trang trại chăn nuôi tự động, khép kín, thân thiện với môi trường; chăn nuôi theo hướng hữu cơ, VietGAHP; Đồng thời triển khai ứng dụng công nghệ 4.0 để đầu tư trang trại chăn nuôi gà hiện đại, tiên tiến, tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm. Khuyến khích các địa phương xây dựng mô hình chăn nuôi gà thả đồi an toàn sinh học. Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong khai thác, bảo quản để nâng cao chất lượng thủy sản sau khi khai thác như sử dụng công nghệ khai thác cá ngừ đại dương bằng công nghệ Nhật Bản.

Ứng dụng công nghệ vật liệu mới sợi composite để gia cường kết cấu nhịp một số cầu đang khai thác; vật liệu mới carboncor asphalt trong xây dựng và bảo trì hệ thống đường giao thông trên địa bàn tỉnh; vật liệu mới lớp phủ siêu mỏng tạo nhám để sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường. Đẩy mạnh hỗ trợ ứng dụng thương mại điện tử³ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh

³Thực hiện theo Quyết định số 4157/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 về việc ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025

nhằm nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của tỉnh.

1.3. Xây dựng, phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Tiếp tục vận hành có hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Bình Định trên mạng internet (Techmart online) nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định, đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ trên địa bàn tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đã góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị. Từ năm 2021 đến nay, đã hỗ trợ 18 sản phẩm đặc trưng của các huyện, thị xã, thành phố đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp dưới dạng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có gắn với tên địa danh. Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ đang tiến hành thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ quốc gia với nhiệm vụ “Xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm mai vàng của tỉnh Bình Định”.

Công tác hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh triển khai nhiều hoạt động cụ thể và sâu rộng, từng bước hình thành được hệ sinh thái khởi nghiệp, làm đòn bẩy đưa phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh phát triển. UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án “Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Định giai đoạn 2019 - 2025” với nhiều cơ chế, chính sách được đề xuất để hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp của tỉnh. Hàng năm, tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo định kỳ. Năm 2022, tổ chức Chương trình tuyển chọn, ươm tạo 05 ý tưởng, dự án khởi nghiệp, ĐMST mùa 2, tổ chức Chương trình cố vấn tăng tốc năm 2022 ưu tiên các dự án Chương trình ươm tạo năm 2021 và tiếp tục hình thành mạng lưới chuyên gia tư vấn, đào tạo và nhà đầu tư về khởi nghiệp sáng tạo.

1.4. Tiếp tục đổi mới cơ chế về tổ chức, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, đầu tư tiềm lực khoa học và công nghệ

Đổi mới và thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, tôn vinh đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học công nghệ. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức trẻ, tạo môi trường, điều kiện hoạt động để trí thức nghiên cứu, sáng tạo, cống hiến.

Đầu tư, tăng cường tiềm lực một số tổ chức khoa học và công nghệ công lập đủ năng lực nghiên cứu, tiếp thu chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hướng đến mục tiêu tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

UBND tỉnh đã phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, theo đó, tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh bố trí cho các dự án khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025 là hơn 29,7 tỷ đồng. Năm 2021 đã bố trí hơn 5,7 tỷ đồng. Bên cạnh đó, vốn đầu tư công ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 bố trí cho ngành khoa học và công nghệ

của tỉnh là 107 tỷ đồng. Trong năm 2021, đã bố trí 12,2 tỷ đồng theo các Quyết định của UBND tỉnh. Tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh bố trí năm 2022 cho các dự án khoa học và công nghệ là 5,5 tỷ đồng. Phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2022 cho ngành khoa học và công nghệ của tỉnh là 94,8 tỷ đồng.

Đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh. Trong năm 2021, đã hỗ trợ 170 triệu cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; Năm 2022, đã hỗ trợ 172 triệu đồng cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc các đối tượng được hưởng chính sách.

1.5. Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ

Thời gian qua, tỉnh đã có nhiều hoạt động hợp tác toàn diện với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế nhằm triển khai các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu cho tỉnh về du lịch, công nghệ thông tin...; phát huy được tiềm năng nghiên cứu của đội ngũ nhân lực trình độ cao các trường, viện đối với các vấn đề khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên của tỉnh nhằm tham mưu, đề xuất cho tỉnh các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) đã tạo điều kiện cho những nhà khoa học trẻ đang làm việc ở nước ngoài về làm việc ở Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục liên ngành (IFIRSE); Trung tâm cũng đã thu hút và đào tạo những sinh viên có năng lực trong và ngoài nước để tham gia nghiên cứu và làm việc tại Viện IFIRSE.

2. Đánh giá chung về hoạt động KH&CN giai đoạn 2021 - 2023

2.1. Ưu điểm, hạn chế

a) Ưu điểm

Khoa học và công nghệ của tỉnh có bước phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả một số cây trồng vật nuôi và sản phẩm hàng hóa được nâng cao; đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp TFP vào tăng trưởng GRDP của tỉnh ở mức cao; một số dự án khoa học và công nghệ có quy mô lớn đã hình thành được các sản phẩm trọng điểm của tỉnh như dược phẩm, sản phẩm nông nghiệp.

Hoạt động phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đã đổi mới tích cực gắn với nhu cầu thực tiễn, đáp ứng được các vấn đề cấp bách của tỉnh như cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số cải cách hành chính, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách làm nền tảng cho hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ của tỉnh, đã thu hút được sự tham gia của các thành tố trong xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: chính sách hỗ

trợ nhân lực có trình độ cao, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng, sở hữu công nghiệp....

Để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, hàng năm UBND tỉnh quan tâm, bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên cho sự nghiệp khoa học và công nghệ cao hơn so với số kinh phí trung ương giao cho địa phương. Trong giai đoạn 2021-2023, tổng kinh ngân sách địa phương bố trí để chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh là 162,745 tỷ đồng, trong khi số trung ương giao để chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2023 là 96,235 tỷ đồng (riêng năm 2023 ngân sách trung ương giao sự nghiệp khoa học và công nghệ cho địa phương là 33,148 tỷ đồng; địa phương cân đối bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ là 55,922 tỷ đồng).

b) Hạn chế

- Hoạt động nghiên cứu ứng dụng chưa mang tính đột phá, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và đời sống. Số lượng các đề tài, dự án có quy mô lớn, có tác động đột phá đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chưa nhiều. Vẫn còn một số đề tài sau khi được nghiệm thu, khâu nhân rộng, ứng dụng trong thực tiễn sản xuất, đời sống còn hạn chế.

- Năng lực công nghệ của tỉnh còn chậm phát triển. Hầu hết các doanh nghiệp trong tỉnh quy mô còn nhỏ, thiết bị công nghệ còn lạc hậu, còn ít những cơ sở công nghiệp và dịch vụ lớn tạo đòn bẩy để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại một số doanh nghiệp đã được chú trọng và bước đầu mang lại hiệu quả; tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư kinh phí cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ còn thấp.

- Năng lực hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ còn yếu. Mạng lưới cơ quan nghiên cứu triển khai còn mỏng, còn ít các doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Các tổ chức nghiên cứu, dịch vụ khoa học và công nghệ hoạt động còn yếu. Hợp tác khoa học và công nghệ với ngoài nước chưa phát triển. Tổ chức quản lý và hoạt động khoa học và công nghệ của một số đơn vị chưa được coi trọng đúng mức.

- Tiềm lực khoa học và công nghệ chưa đủ mạnh phục vụ yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cơ sở vật chất kỹ thuật các cơ quan nghiên cứu triển khai còn thiếu thốn, lạc hậu, không đồng bộ. Nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ, nhất là cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được nhu cầu. Nguồn nhân lực khoa học và công nghệ còn thiếu, còn yếu, chưa đồng đều ở các ngành, còn thiếu các chuyên gia đầu đàn ở các lĩnh vực công nghệ cao.

2.2. Nguyên nhân hạn chế

a) Nguyên nhân chủ quan

- Mức đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp. Thiếu các cơ chế, chính sách hỗ trợ đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

- Việc đưa các chủ trương, chính sách cũng như các tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn chưa đáp ứng được nhu cầu của đời sống. Một số cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ chưa quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn để thực sự trở thành chuyên gia trên số lĩnh vực then chốt của tỉnh;

- Tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của một số Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã còn yếu, chậm đổi mới, đặc biệt một số huyện chưa bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi hoạt động khoa học và công nghệ; công tác tham mưu của đội ngũ làm công tác quản lý khoa học và công nghệ chưa chủ động, chưa đáp ứng kịp theo yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Nguyên nhân khách quan

- Điểm xuất phát nền kinh tế của tỉnh vẫn còn thấp, thu ngân sách có hạn nên kinh phí chi đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn hẹp so với nhu cầu thực tế.

- Giai đoạn 2021-2023, tác động của đại dịch COVID-19 cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động khoa học và công nghệ của một số Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Mặt bằng khoa học và công nghệ của tỉnh còn thấp so với hai đầu đất nước. Các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ còn ít, năng lực và tiềm lực còn yếu. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phần lớn là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiết bị công nghệ còn lạc hậu, việc đầu tư cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ rất khó khăn. Đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ của tỉnh còn mỏng, trình độ và năng lực còn hạn chế, thiếu các chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực.

Phần 3

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH ĐẾN NĂM 2025

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển khoa học công nghệ

1.1. Mục tiêu chung

Phát triển khoa học - công nghệ tạo nền tảng phát triển nhanh, bền vững; đưa khoa học và công nghệ thành nền tảng, động lực phát triển kinh tế - xã hội và phát triển bền vững, đáp ứng với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tiếp tục xây dựng Bình Định trở thành điểm đến của các doanh nghiệp công nghệ, nhà khoa học trên thế giới và trong nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh bình quân giai đoạn đạt từ 38 - 42%.

- Tốc độ đổi mới công nghệ đạt từ 17 - 20%/năm.
- Hình thành mới ít nhất 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ thương mại hóa ít nhất 10 sản phẩm sáng tạo, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Phát triển Khu đô thị Khoa học Quy Hòa với nòng cốt là Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành; Xây dựng Trung tâm Trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân tiến đến từng bước hình thành Trung tâm trí tuệ nhân tạo tại Bình Định.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học công nghệ

2.1. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc phát triển khoa học và công nghệ

Tăng cường công tác quán triệt vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp ủy đảng, chính quyền phải tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ; xây dựng kế hoạch thực hiện để phát triển khoa học và công nghệ theo đúng định hướng, mục tiêu.

2.2. Triển khai đồng bộ các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ

Triển khai đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học nông nghiệp, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược,

2.3. Phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh

- Triển khai các nhiệm vụ xây dựng, phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin của tỉnh, đáp ứng được các yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tham gia vào chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung tiến đến hình thành Khu công nghệ thông tin tập trung, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Tập trung các nguồn lực triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực: công nghệ thông tin và truyền thông, trí tuệ nhân tạo. Kết nối dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với hạ tầng thanh toán số quốc gia đảm bảo đồng bộ, thống nhất, dùng chung và khai thác có hiệu quả hạ tầng mạng viễn thông để triển khai các dịch vụ thanh toán cho người dân với chi phí thấp.

2.4. Xây dựng, phát triển thị trường khoa học và công nghệ

- Triển khai các chính sách về hỗ trợ đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành đội ngũ lao động có khả năng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại các doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình hỗ trợ thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện tốt việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho tổ chức có đủ năng lực thương mại hóa, hình thành doanh nghiệp khoa học công nghệ dựa trên

các sản phẩm của kết quả nghiên cứu khoa học. Hoàn thiện, phát huy hiệu quả sản giao dịch công nghệ của tỉnh và kết nối với Quốc gia.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, kết nối hiệu quả của các thành tố trong hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành và phát huy hiệu quả của các tổ chức hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh, khuyến khích và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao hiệu quả các phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật ở mọi lĩnh vực, với sự tham gia của mọi đối tượng, đặc biệt là phong trào sáng tạo trong công nhân, nông dân, thanh thiếu niên.

2.5. Đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ

- Chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ của Chính phủ, Bộ, ngành, các viện nghiên cứu để đề xuất triển khai các hợp phần công việc phù hợp trên địa bàn tỉnh;

- Chủ động tham gia các chương trình hợp tác về khoa học và công nghệ với các tỉnh, thành phát triển mạnh về khoa học và công nghệ; các viện nghiên cứu, trường đại học nhằm bổ sung nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cho tỉnh.

Phần 4 ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Để hỗ trợ tỉnh Bình Định tháo gỡ các vấn đề lớn đang đặt ra với tỉnh, đồng thời tiếp tục cụ thể hóa việc triển khai thực hiện đạt các mục tiêu của Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025, kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ:

1. Giới thiệu các doanh nghiệp công nghệ cao đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất chip về đầu tư tại tỉnh.

2. Hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý cho Bình Định đối với 03 sản phẩm: Yến sào Bình Định, Ót Bình Định và Bưởi Bình Định có tiềm năng xuất khẩu lớn.

3. Hỗ trợ hình thành Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia vùng Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; hỗ trợ hình thành không gian ĐMST và chuyển đổi số, là nơi giao dịch kết nối giữa cung - cầu công nghệ cho tỉnh, khu vực Nam Trung bộ - Tây nguyên.

4. Hỗ trợ Trung tâm Khám phá khoa học và ĐMST để kết nối với nghiên cứu của Viện của Trung tâm ICISE, thúc đẩy công tác đổi mới sáng tạo của khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên. Hỗ trợ Trung tâm phát triển thành cơ sở

ngiên cứu và ứng dụng công nghệ vũ trụ, nhằm thực hiện chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ vũ trụ đến năm 2030.

5. Hỗ trợ xây dựng cổng truy xuất nguồn gốc cho Bình Định để kết nối với cổng truy xuất nguồn gốc quốc gia.

6. Hỗ trợ đầu tư tiềm lực khoa học và công nghệ cho Trung tâm Phân tích và Đo lường chất lượng (thuộc Sở khoa học và công nghệ Bình Định) để phục vụ kiểm định, hiệu chuẩn và kiểm tra đo lường các thiết bị y tế, vệ sinh an toàn lao động, phân tích, thử nghiệm các sản phẩm xăng, dầu nhằm phục vụ yêu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa qua cảng Quy Nhơn.

7. Hỗ trợ hình thành phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới các viện, trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học đến năm 2025.

8. Ưu tiên xác định, phê duyệt, phân bổ nguồn kinh phí trung ương để tổ chức triển khai tại tỉnh các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia như: Nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực vật lý thiên văn; Ứng dụng chuyển đổi số xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ tỉnh; Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý giám sát tàu cá và sản lượng khai thác hải sản của tỉnh phù hợp quy định về chống đánh bắt hải sản IUU của EC...

9. Hỗ trợ hình thành, phát triển Khu Đô thị Khoa học Quy Hòa và Trung tâm Trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại Quy Nhơn.

10. Về chính sách: Sớm ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về thu hút, sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; Ban hành Thông tư hướng dẫn các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hệ số lao động khoa học của các chức danh, nhóm chức danh.

11. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ là tổ chức có chức năng và nhiệm vụ cho vay ưu đãi thực hiện các nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ theo quy định với mức lãi suất cho vay của Quỹ quy định bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, hiện mức lãi suất này cao, không linh hoạt theo lãi suất của các tổ chức tín dụng cho nên hoạt động cho vay tại Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không thu hút được các dự án khoa học và công nghệ có nhu cầu vay vốn trên địa bàn tỉnh. Do vậy, đề nghị Trung ương sớm ban hành quy định cụ thể mức lãi suất cho vay ưu đãi đối với các khoản vay tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ để khuyến khích, thu hút các dự án vay vốn phát triển khoa học và công nghệ.

(Có các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định năm 2021-2023. UBND tỉnh Bình Định trân

trọng báo cáo và kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ quan tâm xem xét, hỗ trợ tỉnh Bình Định trong thời gian đến./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- Lưu: VT. K8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC 1
VỀ SỐ LƯỢNG CÁC ĐỀ TÀI, ĐỀ ÁN CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2021	Năm 2022
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ		
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	2	9
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	4	7
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	4	5
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	2	2
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ		1
Tổng cộng			12	24

PHỤ LỤC 2
TỐC ĐỘ TĂNG LAO ĐỘNG, TFP VÀ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC YẾU TỐ VÀO TĂNG GRDP
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày _____ / _____ /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Năm	GRDP so sánh 2010 (tỷ đồng)	Tốc độ tăng lao động	Đóng góp của tăng TFP trong GRDP của tỉnh (%)	Tốc độ tăng TFP (%)	Đóng góp của tăng lao động (%)	Tốc độ tăng năng suất lao động (%)
Năm 2021	51.789,2	-0,0210	33,18	1,86	8,01	8,87
Năm 2022	56.227,5	0,0090	41,95	3,15	2,02	10,58

Phụ lục 03
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU QLNN VỀ KH&CN GIAI ĐOẠN 2021 - 2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày _____ / _____ /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Kết quả
I	Công tác quản lý Công nghệ		
1	Cho ý kiến và thẩm định công nghệ dự án đầu tư	Dự án	11
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ		02
3	Giám định công nghệ		0
4	Đề xuất đổi mới công nghệ		0
II	Công tác quản lý an toàn bức xạ		
1	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	66
2	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Cơ sở	66
3	Số lượng thiết bị bức xạ có trên địa bàn: - Trong Y tế: 138 - Trong Công nghiệp: 14	Cơ sở	192
4	Số thiết bị được gắn chip		0
III	Công tác sở hữu trí tuệ		
1	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ	Đơn	336
	<i>Số đơn đăng ký độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích</i>	Đơn	03
	<i>Số đơn đăng ký độc quyền kiểu dáng công nghiệp</i>	Đơn	07
	<i>Số đơn đăng ký nhãn hiệu</i>	Đơn	326
	<i>Số đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý</i>	Đơn	01
2	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	217
	Số văn bằng đăng ký độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Văn bằng	0
	Số văn bằng đăng ký độc quyền kiểu dáng công nghiệp	Văn bằng	11
	Số văn bằng đăng ký nhãn hiệu	Văn bằng	206
	Số văn bằng đăng ký chỉ dẫn địa lý	Văn bằng	0
3	Số sáng kiến, CTKT được công nhận	Sáng kiến	114
4	Số sáng kiến, CTKT được ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển	Văn bằng	0
IV	Công tác thông tin KH&CN		

1	Số ấn phẩm thông tin phát hành Bản tin KH&CN	Cuốn	- Số thường: 900 cuốn/số x 9 số/ năm x 2 năm = 16.200 cuốn. - Số ghép: 1.500 cuốn/số x 3 số ghép = 4.500 cuốn.
2	Thời lượng phát sóng trên Đài PTTH Bình Định	Phút/năm	- 2021: 10 số chuyên mục được xây dựng mới, với thời lượng 15 phút/ số, được phát 20 lần/năm, tổng là 300 phút phát sóng trong năm 2021 - 2022: 12 chuyên mục được xây dựng mới, thời lượng 15 phút/ số, được phát 24 lần/năm, tổng là 360 phút phát sóng trong năm 2022
3	Thông tin KH&CN trên báo Bình Định	trang	1 trang/tuần x 52 tuần/ năm x 2 năm = 104 trang
V	Công tác tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng		
1	Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến	Doanh nghiệp	-
2	Hỗ trợ áp dụng công cụ năng suất chất lượng	Doanh nghiệp	04
3	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm cho	Doanh nghiệp/sản phẩm	07/20
4	hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ	Doanh nghiệp	-
5	Giải thưởng chất lượng quốc gia	Doanh nghiệp đạt giải	Đề xuất 04 DN (chờ Tổng cục TCĐLCL công bố kết quả năm 2021-2022)
6	Hồ sơ công bố hợp chuẩn	Hồ sơ	06
7	Kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu	Hồ sơ	01
8	Cơ quan hành chính được công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	Cơ quan	211

PHỤ LỤC 4
THỐNG KÊ CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP KH&CN, PHÒNG THÍ NGHIỆM, TRUNG TÂM KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên	Loại hình
1	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN Bình Định	Tổ chức KH&CN công lập
2	Trung tâm Phân tích và Đo lường-chất lượng Bình Định	Tổ chức KH&CN công lập
3	Trung tâm Khám phá Khoa học và Đổi mới sáng tạo	Tổ chức KH&CN công lập
4	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường Bình Định	Tổ chức KH&CN Công lập
5	Chi nhánh quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tổ chức KH&CN Công lập
6	Trung tâm Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định	Tổ chức KH&CN Công lập
7	Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục liên ngành	Tổ chức KH&CN Ngoài công lập
8	Viện thực hành Kế toán – Tài chính	Tổ chức KH&CN Ngoài công lập
9	Viện Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ	Tổ chức KH&CN Ngoài công lập
10	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông	Tổ chức KH&CN Công lập
11	Trung tâm Khuyến nông	Tổ chức KH&CN Công lập
12	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Cây lâu năm	Tổ chức KH&CN Công lập
13	Viện Khoa học sức khỏe Quang Trung	Tổ chức KH&CN Ngoài công lập
14	Cty CP Phân bón và Dịch vụ tổng hợp (Biffa) Bình Định	Doanh nghiệp KH&CN
15	Cty TNHH Bidiphar công nghệ cao	Doanh nghiệp KH&CN

16	Cty TNHH Ứng dụng và triển khai phần mềm Lihanet	Doanh nghiệp KH&CN
17	Cty TNHH Dừa Sinh học Việt Nam	Doanh nghiệp KH&CN
18	Cty TNHH giống gia cầm Minh Dư	Doanh nghiệp KH&CN
19	Cty TNHH Giải pháp phần mềm Tường Minh (TMA)	Doanh nghiệp KH&CN
20	DNTN Dịch vụ cây trồng Nguyên Hạnh	Doanh nghiệp KH&CN
21	Cty TNHH Thái An Bình Định	Doanh nghiệp KH&CN
22	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Năng lượng xanh	Doanh nghiệp KH&CN
23	Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định	Doanh nghiệp KH&CN
24	Công ty TNHH Dulah	Doanh nghiệp KH&CN
25	Công ty TNHH Giống Gia cầm Cao Khanh	Doanh nghiệp KH&CN
26	Công ty TNHH Sachi Nguyễn	Doanh nghiệp KH&CN
27	Công ty CP Trung Việt ITech	Doanh nghiệp KH&CN
